

BÀI BÁO NGHIÊN CỨU GÓC

Thực trạng và một số yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện hành vi bạo lực học đường của học sinh Trung học Phổ thông Lương Tài 1, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh năm học 2020 – 2021

Vũ Thị Hậu^{1*}, Phạm Thị Huyền Chang¹, Lê Thị Kim Ánh¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Thực trạng và một số yếu tố ảnh hưởng đến hành vi thực hiện bạo lực học đường của học sinh.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang kết hợp định lượng trên 274 học sinh bằng bộ câu hỏi phát vấn và định tính phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm.

Kết quả: Có 8,8% (24 trên 274 học sinh) thực hiện ít nhất một loại bạo lực học đường. Trong 274 học sinh tham gia nghiên cứu, bạo lực lời nói là cao nhất 6,1%; bạo lực thể chất 4,4%, bạo lực các mối quan hệ 2,9% và bạo lực qua mạng 1,5%. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi thực hiện BLHĐ gồm: kết quả học tập kì trước, có mang vũ khí bên người, không đến trường vì cảm thấy không được an toàn, bạn thân tham gia bạo lực học đường, mối quan hệ với bạn bè.

Kết luận: Nghiên cứu khuyến nghị học sinh cần tăng hiểu biết về bạo lực học đường, tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa, gắn kết các mối quan hệ. Nhà trường duy trì các quy định, nội quy, các hoạt động ngoại khóa câu lạc bộ hiện tại.

Từ khóa: Thực hiện hành vi, bạo lực học đường, trung học phổ thông, Bắc Ninh.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trung tâm kiểm soát dịch bệnh Hoa Kỳ (CDC) định nghĩa bạo lực học đường (BLHĐ) là bạo lực giới trẻ diễn ra trong trường học, trên đường đi học hoặc đi khi đang học (1). Hiện tượng bạo lực không phải là hiện tượng mới, nhưng hiện tượng này xảy ra theo chiều hướng gia tăng và diễn biến phức tạp, là nỗi trăn trở của toàn xã hội (2). Bạo lực học đường (BLHĐ), kể cả nạn nhân hay người gây ra hành vi, đều là vấn đề y tế công cộng nghiêm trọng, với hậu quả về tâm lý và sức khỏe từ tuổi vị thành niên đến tuổi trưởng thành (3). Bạo lực học đường ngày càng trở nên phức tạp hơn và cần sự quan tâm từ phía phụ huynh, nhà trường và toàn xã hội.

BLHĐ ngày càng trở nên phức tạp hơn và cần sự quan tâm từ phía phụ huynh, nhà trường và toàn xã hội. Theo báo cáo của Quỹ Nhi đồng liên hợp quốc, trên toàn cầu cứ 3 em học sinh trong độ tuổi 13-15 thì có 1 em bị bạo lực học đường (4). Theo kết quả của cuộc điều tra Giám sát hành vi rủi ro thanh thiếu niên (YRBSS) tại Mỹ năm 2019 do Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) Hoa Kỳ đánh giá thì tỷ lệ học sinh trở thành nạn nhân của BLHĐ trong 12 tháng trước khảo sát là 15,7% với các trường hợp bạo lực điện tử, và 19,5% bị bạo lực ở trường (4), (5). Việt Nam là một nước có thu nhập trung bình với hơn 30 triệu trẻ em và vị thành niên (6). Theo báo cáo sơ bộ vào tháng 5/2018 trên cả nước từ 2010-



*Địa chỉ liên hệ: Vũ Thị Hậu

Email: vth3@huph.edu.vn

¹ Trường Đại học Y tế công cộng

Ngày nhận bài: 26/10/2021

Ngày phản biện: 12/12/2021

Ngày đăng bài: 28/02/2022

Mã DOI: <https://doi.org/10.38148/JHDS.0601SKPT21-089>

2018 có hơn 7000 học sinh tham gia vào cuộc đánh nhau, lôi kéo, đe dọa bạn trong cùng trường, khác trường học và bị kỷ luật (7).

Nghiên cứu (NC) được thực hiện tại một trường công lập thuộc huyện Lương Tài tỉnh Bắc Ninh. Tính đến thời điểm hiện tại, trường cũng như trên địa bàn huyện chưa có bất cứ nghiên cứu nào tìm hiểu về tình trạng BLHD của học sinh (HS) để nhà trường có cơ sở đưa ra các biện pháp giảm thiểu thực trạng này về mức thấp nhất. Trên thực tế, tình trạng bạo lực thể chất và bạo lực xã hội (qua mạng internet) đã từng xảy ra và vấn đề này luôn nhận được sự quan tâm của ban giám hiệu nhà trường và phụ huynh học sinh. Nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu: 1) Mô tả thực trạng và 2) phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng thực hiện BLHD (thể chất, lời nói, xã hội, điện tử) của học sinh trường trung học phổ thông Lương Tài 1, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh năm học 2020-2021.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang, kết hợp phương pháp định lượng và phương pháp định tính.

Địa điểm và thời gian nghiên cứu: Trường trung học phổ thông Lương Tài 1, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh từ 7/2020 - 11/2021

Đối tượng nghiên cứu

Định lượng: HS trường trung học phổ thông (THPT) đang theo học tại trường được sự cho phép tham gia nghiên cứu của người giám hộ và đồng ý tham gia nghiên cứu.

Định tính: Ban giám hiệu nhà trường, giáo viên phụ trách đoàn, giáo viên chủ nhiệm, đại diện phụ huynh học sinh các khối, đại diện ban phụ huynh học sinh của trường đồng ý tham gia nghiên cứu.

Cỡ mẫu

Định lượng: Áp dụng công thức tính cỡ mẫu một tỷ lệ:

$$n = Z_{(1-\alpha/2)}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó n: là cỡ mẫu; P=0,18 tỷ lệ học sinh thực hiện bạo lực học đường cần ước lượng (8); $Z_{1-\alpha/2}$ = 1,96 là hệ số tin cậy 95%; d = 0,07 sai số tuyệt đối chấp nhận. DE =2, dự phòng 10% các trường hợp không hợp lệ hoặc phiếu bỏ qua câu trả lời nhiều. Cỡ mẫu thực tế thu thập được là 274 học sinh.

Định tính: Tiến hành 08 cuộc phỏng vấn sâu với ban giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên phụ trách đoàn, phụ huynh học sinh và 03 cuộc thảo luận nhóm với học sinh.

Biến số và chủ đề nghiên cứu

Định lượng: Các nhóm biến số: Thông tin chung, hành vi nguy cơ, yếu tố gia đình cá nhân, yếu tố môi trường-xã hội, thực trạng thực hiện BLHD của học sinh.

Định tính: Các nhóm chủ đề: Thực trạng, quan điểm về vấn đề thực hiện BLHD, các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng thực hiện BLHD (Yếu tố cá nhân, yếu tố các mối quan hệ và yếu tố môi trường); các biện pháp, khắc phục thực trạng thực hiện BLHD.

Phương pháp thu thập và phân tích số liệu

Định lượng: Nghiên cứu thu thập theo mẫu cụm chọn ngẫu nhiên 8 lớp. Phân tích số liệu gồm: thống kê mô tả thông tin chung của đối tượng, các yếu tố và thực trạng thực hiện BLHD; Xác định mối liên quan giữa thực hiện BLHD với một số yếu tố riêng biệt.

Định tính: Nghiên cứu ghi âm gõ lại bằng. Các thông tin được tổng hợp lại theo các chủ đề làm dẫn chứng cho số liệu định lượng và cung cấp thêm các dữ liệu để phân tích.

Đạo đức nghiên cứu: Đề tài thông qua tại Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu Y sinh học, trường Đại học Y tế công cộng theo mã

số 021-136/DD -YTCC vào ngày 05/4/2021. Trước khi tiến hành, điều tra viên đã xin xác nhận của phụ huynh cho phép HS tham gia nghiên cứu.

KẾT QUẢ

Thông tin chung của đối tượng tham gia nghiên cứu

Bảng 1. Thông tin chung của học sinh trong nghiên cứu

Thông tin	Nam n=121		Nữ n=153		Tổng n=274	
	n	%	n	%	n	%
Khối lớp						
10	49	40,5	78	51,0	127	46,4
11	38	31,4	26	17,0	64	23,3
12	34	28,1	49	32,0	83	30,3
Học lực						
Xuất sắc ($\geq 9,0$)	1	0,8	1	0,7	2	0,7
Giỏi (từ 8,0-8,9)	14	11,6	36	23,5	50	18,2
Khá (6.5-7.9)	87	71,9	102	66,7	189	69,0
Trung bình (5.0-6.4)	19	15,7	13	8,5	32	11,7
Yếu (< 5.0)	0	0	1	0,7	1	0,4
Hành kiểm						
Tốt	105	86,8	133	86,9	238	86,9
Khá	11	9,1	15	9,8	26	9,5
Trung bình	5	4,1	5	3,3	10	3,6

Nghiên cứu được thực hiện trên 274 HS trong đó số lượng HS nam là 121 HS (44,2%). Phần lớn HS tham gia nghiên cứu có học lực khá vào kỳ trước (189 HS chiếm 69,0%) và có

hành kiểm tốt (238 HS chiếm 86,9%).

Thực trạng học sinh thực hiện bạo lực học đường

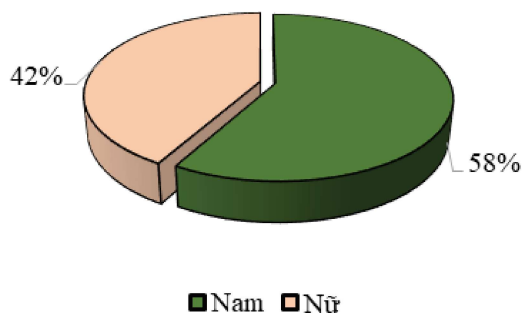
Bảng 2. Thông tin về các loại bạo lực ở học sinh trong nghiên cứu (N=274)

Thông tin	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Đã từng thực hiện hành vi bạo lực		
Bạo lực thể chất	12	4,4
Đánh, đấm, đá, xô đẩy, dứt tóc, kéo tai, xé quần áo	11	4,0
Trấn lột/lấy trộm tiền/đồ vật hoặc bị phá hỏng đồ vật của mình	1	0,4

Bạo lực lời nói	17	6,1
Đe dọa, xúc phạm, Sĩ nhục, Chế nhạo làm tổn thương	5	1,8
Gán/gọi biệt danh (mang ý nghĩa xấu)/Gọi tên bố mẹ (mục đích xấu)	10	3,6
Dùng lời nói đe dọa, ép buộc làm theo ý mình	2	0,7
Bạo lực mối quan hệ	8	2,9
Phân biệt đối xử, cô lập, tẩy chay	6	2,2
Tạo/phát tán tin đồn (mang ý nghĩa xấu)	2	0,7
Bạo lực qua mạng	4	1,5
Thông qua tin nhắn hoặc các nội dung được đăng tải lên Internet, Instagram, Facebook hoặc các loại mạng xã hội khác để đe dọa, cô lập và tẩy chay	4	1,5

Trong 274 HS tham gia nghiên cứu có 24 HS tham gia ít nhất một loại BLHD (8,8%). Trong đó tham gia bạo lực thể chất có 12 HS chiếm 4,4%, tham gia bạo lực lời nói có 17 HS, chiếm 6,1%, bạo lực mối quan hệ có 8 HS chiếm 2,9% và bạo lực qua mạng là 4 HS chiếm 1,5%.

“Nói về loại BLHD phổ biến thì là thể chất. Nó có nhiều năm rồi và dạo này cũng phổ biến lời nói. Lời nói có thể trực tiếp và qua mạng xã hội, facebook,.... Mà nó hiện còn có xu hướng nhiều hơn các loại khác đó” (GVCN_PVS_03).

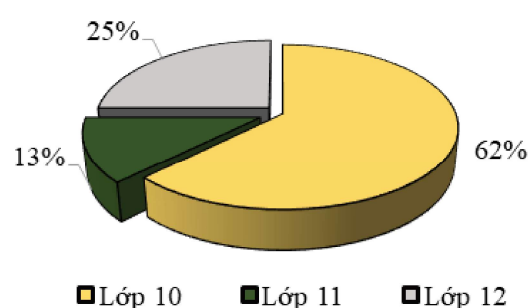


Biểu đồ 1. Tỷ lệ từng giới học sinh thực hiện bạo lực học đường (N=24)

Biểu đồ 1 thể hiện tỷ lệ thực hiện BLHD của từng giới. Trong đó, nam giới gồm 14 HS thực hiện hành vi BLHD (58,3%), nữ giới có 10 HS thực hiện hành vi BLHD (41,7%).

“...cũng theo xu hướng hiện nay thì BLHD ở HS nữ tăng. Có một số lần xảy ra BLHD, tuy không nhiều nhưng chủ yếu xảy ra ở HS nữ” (GV đoàn_PVS).

Biểu đồ 2 thể hiện tỷ lệ khối lớp thực hiện



Biểu đồ 2. Tỷ lệ khối lớp học sinh thực hiện bạo lực học đường (N=24)

BLHD. Ở lớp 10 gồm 15 HS thực hiện cao nhất chiếm 62,5%. Trong đó, người tham gia có thể cùng trường hoặc người ngoài trường. Địa điểm xảy ra bạo lực thường trong lớp (58,3%).

“Tình trạng bạo lực thường xảy ra từ lớp 10. HS khu vực thị trấn thường bắt nạt HS ở các khu nông thôn” (GV đoàn_PVS).

Một số yếu tố ảnh hưởng đến hành vi thực hiện bạo lực

Bảng 3. Các yếu tố liên quan đến học sinh thực hiện bạo lực học đường

Yếu tố	Đặc điểm	N	Thực hiện bạo lực		OR CI 95%	P
			Có (n, %)	Không (n, %)		
Yếu tố Cá nhân	Kết quả học tập kì trước					
	Trung bình/ yếu	33	8 (24,2)	25 (75,8)	0,222	0,002
	Xuất sắc/ giỏi/ khá	241	16 (6,6)	225 (93,4)	(0,09-0,57)	
	Mang theo vũ khí bên người					
	Có	11	5 (45,5)	6 (54,5)	10,7	<0,01
	Không	263	19 (7,2)	244 (92,8)	(2,99-38,3)	
	Không đến trường vì cảm thấy không được an toàn					
	Có	13	4 (30,8)	9 (69,2)	5,36	0,04
	Chưa bao giờ	261	20 (7,7)	241 (92,3)	(1,5-18,9)	
Yếu tổ bạn bè, nhà trường	Bạn thân tham gia bạo lực					
	Có	22	7 (31,8)	15 (68,2)	6,5	<0,01
	Không	252	17 (6,7)	235 (93,3)	(2,3-17,9)	
	Mối quan hệ với bạn bè					
	Không tốt/ Bình thường	51	9 (17,6)	42 (82,4)	3,0	0,017
	Tốt/Rất tốt	223	15 (6,7)	208 (93,3)	(1,2-7,2)	

HS có kết quả học tập học kì trước xếp loại trung bình/yếu có nguy cơ thực hiện hành vi bạo lực cao hơn những HS có kết quả học kì trước xếp loại xuất sắc/giỏi/ khá gấp 0,222 lần (CI95%: 0,09-0,57; p=0,002).

“Tại trường việc thực hiện hay bị BLHD có liên quan đến các lớp nữa. Trường có phân theo khối chọn để thi đại học rồi phân theo lớp chọn, lớp theo xã. Các lần đánh nhau hay bạo lực chủ yếu rơi vào các lớp chia theo xã chứ bọn lớp chọn thì chúng nó cũng có hiểu biết hơn nên bạo lực cũng ít hơn” (BGH nhà trường_PVS).

Những HS có mang theo vũ khí bên người có khả năng thực hiện BLHD cao gấp 10,7 lần những HS không mang vũ khí bên người (CI95%: 2,99-38,3; p<0,01). Những HS không đến trường vì cảm thấy không an toàn cũng có khả năng thực hiện BLHD cao gấp

5,36 lần so với những HS luôn có cảm giác được an toàn (CI95%: 1,5-18,9; p=0,04).

“... trong lớp em cũng từng có bạn mang tuýp sắt trong cặp. Bạn đây còn mang ra trên mọi người mà.” (HS_TLN_2).

Mối liên quan giữa yếu tố bạn bè và nhà trường với hành vi thực hiện bạo lực. Những HS có bạn thân tham gia bạo lực có khả năng thực hiện BLHD cao hơn 6,5 lần so với có bạn thân không tham gia BLHD (CI 95%: 2,3-17,9; p < 0,01). Các HS có mối quan hệ với bạn bè được đánh giá là bình thường/ không tốt có khả năng thực hiện BLHD cao hơn 3,0 lần có mối quan hệ với bạn bè được đánh giá là tốt/rất tốt (CI 95%: 1,2-7,2, p=0,017).

“HS lớp 10 khu vực thị trấn thường rủ rê cả bạn bên trường THPT Lương Tài 3 sang bắt nạt HS khác trong trường ở các khu nông thôn lên thị trấn học” (GV đoàn_PVS).

Bảng 4. Phân tích một số yếu tố liên quan đến việc học sinh thực hiện bạo lực học đường (hồi quy đa biến)

Yếu tố	Hệ số hồi quy (B)	Sai số chuẩn (SE)	p	OR	CI 95%
Kết quả học tập kỳ trước					
Trung bình/ yếu*	-	-	-	1	-
Xuất sắc/ giỏi/ khá	-1,559	0,542	0,004	0,21	0,073-0,608
Mối quan hệ với bạn bè					
Không tốt/ Bình thường*	-	-	-	1	-
Tốt/Rất tốt	-1,059	0,515	0,04	0,347	0,126-0,953
Không đến trường vì cảm thấy không được an toàn					
Chưa bao giờ*	-	-	-	1	-
Có	1,507	0,757	0,047	4,514	1,023-19,92
Bạn thân tham gia bạo lực					
Không*	-	-	-	1	-
Có	1,647	0,642	0,008	5,192	1,528-17,635
*Nhóm so sánh	- Không áp dụng				
Kết quả kiểm định phù hợp với mô hình thống kê Hosmer and Lemeshow Test với $\chi^2=1,785$, df=2 p=0,41					

Qua kết quả chạy hồi quy đa biến, những HS có kết quả học tập trung bình, yếu có nguy cơ thực hiện BLHĐ cao hơn 0,21 lần so với những HS khác (CI 95%: 0,073-0,608; p=0,004). Những HS có mối quan hệ với bạn bè không tốt/ bình thường có nguy cơ thực hiện BLHĐ cao hơn 0,347 lần so với những bạn HS khác (CI 95%: 0,126-0,953; p=0,04). Những HS không đến trường vì cảm thấy không an toàn có nguy cơ thực hiện BLHĐ cao hơn 4,514 lần so với những HS khác (CI 95%: 1,023-19,92; p=0,047). Những HS có bạn thân tham gia BLHĐ có nguy cơ thực hiện BLHĐ cao hơn 5,192 lần so với những HS khác (CI 95%: 1,528-17,635; p=0,008).

BÀN LUẬN

Thực trạng học sinh thực hiện bạo lực học đường

Trong 274 HS tham gia nghiên cứu có 8,4% HS thực hiện các hành vi BLHĐ với các HS khác trong vòng 6 tháng qua. Tỷ lệ này thấp hơn tỷ lệ trong báo cáo YRBSS năm 2019 (9). Bên cạnh đó, tỷ lệ của nghiên cứu cũng thấp hơn so với một số nghiên cứu cùng chủ đề trên thế giới. Nghiên cứu tại Canada năm 2015 (26,1%) (10) hay nghiên cứu tại Boston, Mỹ vào năm 2012 (23%) (11).

Việc thực hiện BLHĐ xảy ra nhiều ở HS khối lớp 10 (62,5%). Với từng hành vi BLHĐ, bạo lực thể chất là 4,4%. Tỷ lệ này khá tương đồng với nghiên cứu của tác giả Dương Minh Đức thực hiện trên 3.443 HS các trường THPT trên địa bàn thành phố Hà Nội (6,5%) (12). Với loại bạo lực lời nói cao nhất trong

các loại BLHĐ (6,1%). Tương đồng với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Thanh Bình thực hiện ở Bắc Ninh năm 2015 (21%) (13). Bao lực mỗi quan hệ xã hội của nghiên cứu là 2,9%, bạo lực mạng xã hội 1,5%, cao hơn so với nghiên cứu của tác giả Trần Thị Huyền Trang (1,6%) (14).

HS nam có tỷ lệ thực hiện hành vi BLHĐ cao hơn HS nữ (58,3% so với 41,7%). Tỷ lệ này tương đồng với đa số các nghiên cứu khác cùng chủ đề thực hiện (15) (8) (16). Tại địa điểm nghiên cứu, tỷ lệ bạo lực loại thể chất đang có tỷ lệ cao nhất, chủ yếu là HS nam, vì vậy có tỷ lệ tương đồng với đa số khác nghiên cứu khác. Tuy nhiên, ở nghiên cứu này có thể thấy, chênh lệch tỷ lệ thực hiện hành vi của nam và nữ tương đối ít.

Một số yếu tố ảnh hưởng đến hành vi học sinh thực hiện bạo lực học đường

Những HS có kết quả học tập kì trước trung bình hoặc yếu thực hiện các hành vi BLHĐ cao hơn 0,222 lần (CI95%: 0,086-0,571); $p=0,002$) so với những HS có kết quả học tập khá/ giỏi/xuất sắc. Nghiên cứu của Nguyễn Minh Tú năm 2017 thực hiện tại Huế cũng cho kết quả học tập làm tăng nguy cơ thực hiện BLHĐ (17). Điều này phù hợp với tâm lý, thực tế tính cách của các em HS có học lực thấp, thường là các em có cá tính ngang ngược trong ứng xử, không thực hiện theo các hướng dẫn, yêu cầu của giáo viên vì suy nghĩ bản thân học không tốt thì cần phải thể hiện sức mạnh cá nhân để các bạn học khác phải nể sợ, không coi thường bản thân mình.

Các HS có mang vũ khí bên người thực hiện các hành vi BLHĐ cao hơn 10,7 lần (CI95%: 2,99-38,3; $p<0,01$) so với những HS không mang vũ khí bên người. Nguyễn Thanh Lương và cộng sự cũng công bố kết quả khi thực hiện đánh giá hành vi nguy cơ của vị thành niên ở Hà Nội năm 2019 (12). Những HS luôn cảm thấy không được an toàn thực hiện các hành vi BLHĐ cao hơn 5,36 lần (CI95%: 1,5-18,9;

$p=0,04$) so với những HS chưa từng có cảm giác không được an toàn. Với suy nghĩ phải luôn mang vật phòng thân để phòng khi bị “trả thù”, dọa các bạn xung quanh phải sợ, nể phục mình. Nhưng khi không kiểm soát được tâm lý, cảm xúc thì đây là nguy cơ khiến hậu quả các vụ bạo lực thể chất của HS nghiêm trọng, thậm chí ảnh hưởng tính mạng, liên quan đến pháp luật.

Những HS có bạn thân tham gia BLHĐ thực hiện BLHĐ cao hơn 6,5 lần (CI95%: 2,3-17,9; $p<0,01$) không có bạn thân tham gia BLHĐ. Một nghiên cứu cắt ngang tại Malaysia trên 4500 HS cho kết quả khi chơi với những HS bỏ học thì nguy cơ tham gia vào các hành vi bạo lực ở HS tăng lên và nghiên cứu của Lima cũng cho thấy kết quả tương tự (18). Những HS có mối quan hệ với bạn bè không tốt/bình thường thực hiện BLHĐ cao hơn 3,0 lần (CI 95%: 1,2-7,2, $p=0,017$) so những HS có mối quan hệ với bạn bè tốt/rất tốt. Nguyễn Thị Thùy Linh khi thực hiện nghiên cứu năm 2015 cũng cùng kết quả này, các mối quan hệ giữa bạn bè đều có khả năng dẫn tới những hành vi BLHĐ (19).

Hạn chế: Địa điểm thu thập trong học kỳ 1 (2020) HS tiến hành học online gần 2 tháng do dịch bệnh COVID 19 nên ảnh hưởng đến kết quả của NC có sự chênh lệch so với tỷ lệ các năm trước. Ở nghiên cứu này, tôi chưa khai thác được hết các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng thực hiện BLHĐ, cũng như chưa phân tích được đầy đủ, chi tiết hơn giữa tình trạng từng loại BLHĐ và các yếu tố.

KẾT LUẬN

Thực trạng học sinh thực hiện bạo lực học đường

Có 24 trong tổng số 274 HS tham gia nghiên cứu có thực hiện ít nhất một loại BLHĐ năm học 2020-2021 chiếm 8,8%. Trong đó bạo lực lời nói là cao nhất 6,1%; bạo lực thể chất

4,4%, bạo lực các mối quan hệ 2,9% và bạo lực qua mạng 1,5%.

Yếu tố ảnh hưởng đến hành vi học sinh thực hiện bạo lực học đường

Các yếu tố cá nhân ảnh hưởng đến hành vi thực hiện bạo lực: Kết quả học tập kì trước; Có mang vũ khí bên người; cảm thấy không được an toàn; có bạn thân tham gia BLHD; mối quan hệ với bạn bè.

Khuyến nghị: HS cần chủ động hơn trong việc tìm hiểu nội dung về BLHD. Tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa và tạo nhiều mối quan hệ gắn kết. Nhà trường cần duy trì phát triển các câu lạc bộ trong trường giúp HS gắn kết hơn (nên tổ chức 2-3 lần/ học kỳ) và lồng ghép thêm các hoạt động truyền thông vào hoạt động ngoại khóa; Duy trì các quy định xử lý nghiêm với các HS có vi phạm. Gia đình duy trì mối quan hệ, liên lạc chặt chẽ với nhà trường để hỗ trợ cũng như giải quyết các vấn đề của HS.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. CDC. Understanding School violence. 2006.
2. Thiều Trang. Vụ nữ sinh An Giang nghi tự tử: Hy vọng thầy cô lắng nghe và thấu hiểu, Báo Lao động, 2020, <https://laodong.vn/giao-duc/vu-nu-sinh-an-giang-nghi-tu-tu-hy-vong-thay-co-lang-nghe-va-thau-hieu-860498.lido>.
3. Etienne G.Krug, Linda L.Dahlberg, James A.Mercy, Anthony B.Zwi, Rafael Lozano. World report on violence and health. Geneva: World Health Organization, 2002:5; Dieter Wolke, William E.Copeland, Adrian Angold, E.Jane Costello. Impact of bullying in childhood on adult health, wealth, crime, and social outcomes, Psychological Science, 2013:p. 24, 1958-1970; Kumpulainen K. International Journal of Adolescent Medicine and Health, Psychiatric conditions associated with bullying, 2008:p. 20, 121-132.
4. CDC. Trends in the Prevalence of Behaviors that Contribute to Violence National YRBS: 1991—2017. 2017.
5. Centers for Disease Control and Prevent. Youth Risk Behavior Surveillance — United States, 2019, Morbidity and Mortality Weekly Report (MMWR), 2020;69.
6. The Vietnam Population and Housing Census 2009 – Age-Sex Structure and Marital Status of the Population in Vietnam. 2011.
7. Tulletin of the World Health Organization. Hulletin of the World Health Organization, 2010;p. 88(1):22–30ic 20.
8. Nguyễn Phương Anh. Bạo lực học đường và một số yếu tố nguy cơ ở học sinh 3 trường THPT huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội năm 2019: Trường Đại học Y tế công cộng; 2019.
9. CDC. CDC releases 2019 Youth Risk Behavior Survey Results. 2020 20/8/2020.
10. B.M. Cénat JM, Hébert M, Lavoie F, & Guerrier M. Correlates of bullying in Quebec high school students: The vulnerability of sexual-minority youth, Journal of Affective Disorders, 2015;183:315–321.
11. O.D.L. Schneider SK, Stueve Ann & Coulter WS Robert. School Bullying, and Psychological Distress: A Regional Census of High School Students, Cyberbullying, 2012.
12. Nguyễn Thị Khánh Huyền Nguyễn Thanh Lương, Nguyễn Công Minh, Phạm Quốc Thành, Nguyễn Thị Phương My, Nguyễn Thị Thu Thảo, Lê Thị Hằng, Dương Minh Đức. Đánh giá các hành vi nguy cơ tai nạn thương tích không chủ đích và bạo lực của vị thành niên tại Hà Nội, năm 2019, Tạp chí Khoa học Nghiên cứu sức khỏe và phát triển, 2020;4(4).
13. Hoàng Thị Hoa Lê Nguyễn Thị Thanh Bình, Phạm Thanh Hải Thực trạng hành vi bạo lực học đường và một số yếu tố liên quan ở hai trường THPT tại Bắc Ninh năm 2015, Y học dự phòng, 2015;28(9).
14. Nguyễn Nhật Cẩm Trần Thị Huyền Trang, Nguyễn Thị Thi Thơ. Thực trạng bạo lực học đường của học sinh trường trung học phổ thông Tô Hiệu, huyện Thường Tín, Hà Nội năm 2017, Y học dự phòng, 2017;27(6).
15. Đỗ Thị Điệp. Thực trạng bạo lực học đường và một số yếu tố liên quan đến hành vi bạo lực của học sinh trường THPT Chương Mỹ A, huyện Chương Mỹ, Hà Nội: Trường đại học Y tế công cộng; 2016.
16. Trần Thị Huyền Trang. Thực trạng bạo lực học đường và một số yếu tố liên quan của học sinh trường trung học Phổ Thông Tô Hiệu, huyện Thường Tín, Hà Nội năm 2017: Đại học Y tế công cộng; 2017.
17. Trần Thị Kim Hậu Nguyễn Minh Tú, Trần Thị Hoài Thương, Phan Thị Thúy, Hồ Thị Vân, Trần Bình Thắng. Thực trạng bạo lực học đường và

- một số yếu tố liên quan tại một số trường trung học phổ thông thành phố Huế năm 2017, Tạp chí Y học Dự phòng, 2017;27(8).
18. Albert J. Jr. Reiss, David P. Farrington. Advancing Knowledge About Co-Offending: Results from a Prospective Longitudinal Survey of London Males, Journal of Criminal Law and Criminology, 1991;82(2):360-395.
 19. Hoàng Thị Hoa Lê Nguyễn Thị Thùy Linh, Phan Lê Thu Hằng, Nguyễn Khắc Minh, Phạm Văn Hán. Thực trạng hành vi bạo lực học đường và một số yếu tố liên quan tại một trường Phổ thông trung học tỉnh Nam Định năm 2015, Y học dự phòng, 2015;15(11).

Actual situation and some factors affecting the performance of school violence behavior of students at Luong Tai 1 High School, Luong Tai district, Bac Ninh province in the school year 2020-2021

Vu Thi Hau¹, Pham Thi Huyen Chang¹, Le Thi Kim Anh¹

¹Hanoi University of Public Health

Objective: the reality and some factors affecting the students' violent behavior at school. Research method: cross-sectional combined with quantitative on 274 students by questionnaires. Results: 8.8% (24 out of 274 students) committed at least one type of school violence. Among 274 students participating in the study, verbal violence was the highest at 6.1%; physical violence 4.4%, relationship violence 2.9% and cyber violence 1.5%. Factors affecting the behavior of committing school violence include: academic performance in the previous semester, carrying a weapon with you, not going to school because you feel unsafe, close friends participating in school violence, friend system. The study recommends that students need to increase their understanding of school violence, actively participate in extracurricular activities, and build relationships. The school maintains the current rules, regulations, extracurricular activities of the club.

Keywords: *Behavior, school violence, high school, Bac Ninh.*